HYUNDAI

New TUCSON

Khai mở giới hạn.



NGOẠI THẤT

TUCSON mới là sự khởi đầu cho một trải nghiệm khác biệt. Gạt bỏ những định kiến thông thường, xóa nhòa ranh giới của phân khúc và tạo nên những chuẩn mực mới. TUCSON sở hữu thiết kế ấn tượng, với phần nội thất rộng rãi, linh hoạt, thoải mái vượt qua sự mong đợi của bạn.





Tiên phong với thiết kế đèn ban ngày dạng ẩn giúp định hướng phong cách Sensuous Sportiness cho New TUCSON



Đèn chiếu sáng LED Projector



Cụm đèn hậu công nghệ LED



Cốp điện thông minh

Hình ảnh minh họa, trang bị tùy phiên bản

THIẾT KẾ TẠO DẤU ẤN

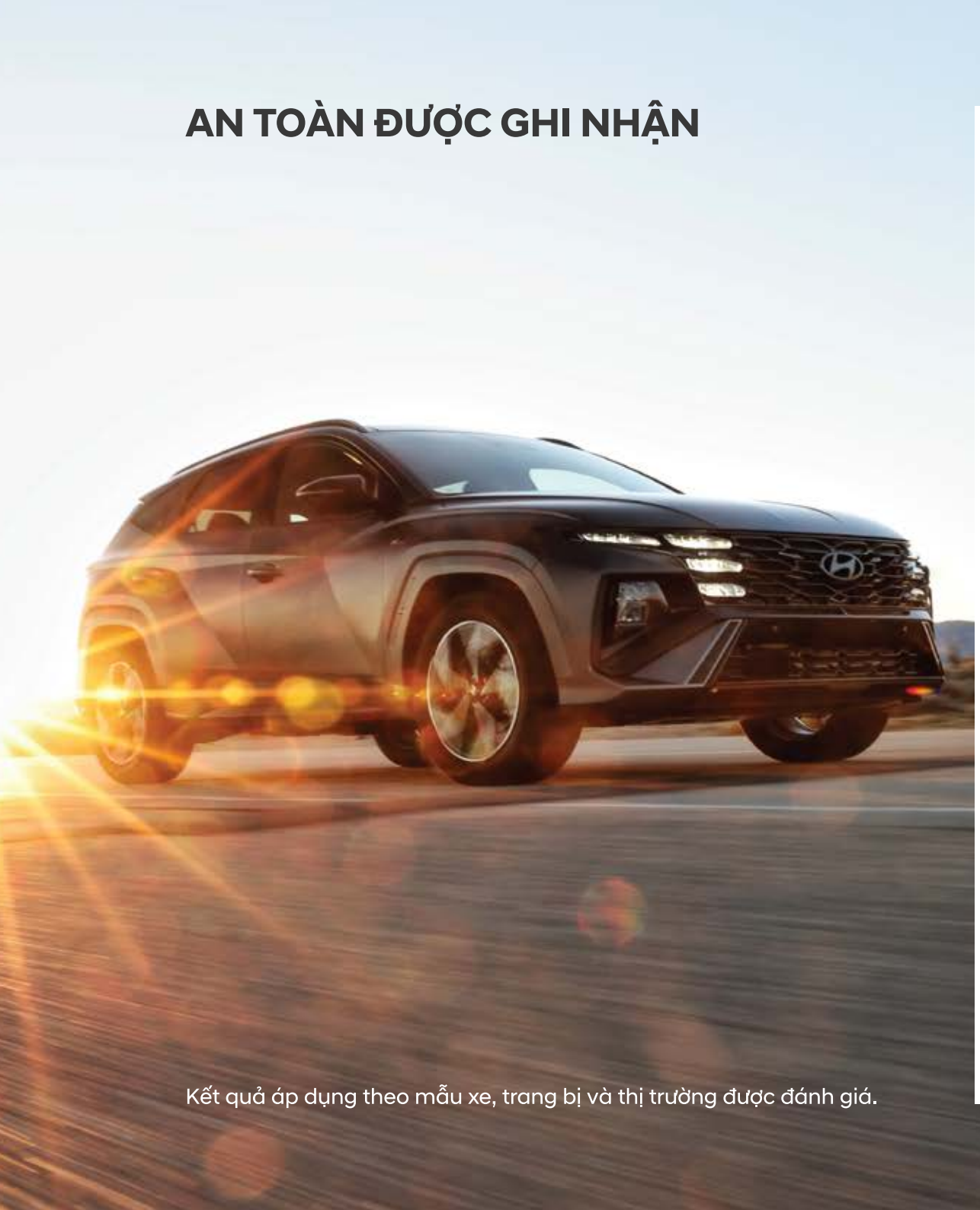


GOOD DESIGN AWARD® WINNER

GOOD DESIGN AWARD 2021

TUCSON thế hệ thứ tư được vinh danh tại Australian Good Design Awards, hạng mục thiết kế sản phẩm ô tô và phương tiện vận tải.

AN TOÀN ĐƯỢC GHI NHẬN



Kết quả áp dụng theo mẫu xe, trang bị và thị trường được đánh giá.

ANCAP SAFETY

TESTED ★★★★★

ANCAP 5 SAO

Kết quả đánh giá năm 2021
TUCSON tại Úc và New Zealand

2025 TOP SAFETY PICK+

IIHS
Insurance Institute for Highway Safety

TOP SAFETY PICK+

Giải thưởng IIHS năm 2025
TUCSON tại Mỹ



NỘI THẤT

Trải nghiệm không gian mở

TUCSON mang đến sự thoải mái tối đa bằng không gian mở rộng rãi cùng các tiện ích hàng đầu phân khúc kết hợp yên ngựa được làm "nổi" tách biệt.

Hình ảnh minh họa, trang bị tùy phiên bản



Vô lăng thiết kế mới cách điệu



Màn hình giải trí nối liền thông tin



Sạc không dây trên bệ tì tay chuẩn Qi



Làm mát và sưởi hàng ghế trước



Hệ thống loa BOSE cao cấp



Cần số điện tử sau vô lăng



Gương chống chói tự động



Hộc để đồ rộng rãi tiện nghi



Điều hòa tự động 2 vùng độc lập

Hình ảnh minh họa, trang bị tùy phiên bản



ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH - AN TOÀN

TUCSON mới được trang bị khung gầm được cải tiến để đảm bảo sự chắc chắn đi cùng hệ thống an toàn Hyundai SmartSense. Bên cạnh đó, động cơ SmartStream cùng hệ dẫn động 4 bánh toàn thời gian được cải tiến H-TRAC giúp xe linh hoạt hơn ở các địa hình phức tạp.



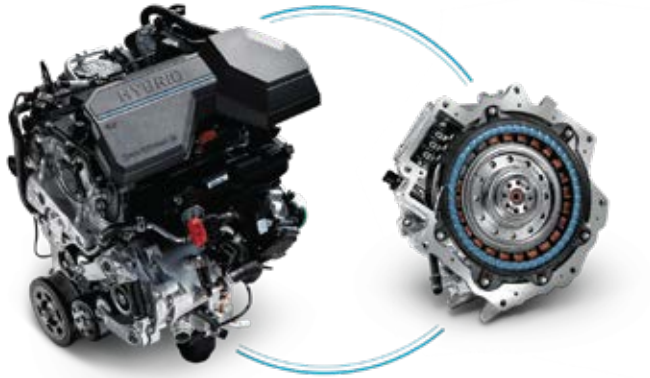
Động cơ xăng SmartStream G2.0
sản sinh công suất cực đại 156 mã lực tại 6.200 vòng/phút và đạt mo-men xoắn cực đại 192 Nm tại 4.500 vòng/phút



Động cơ dầu SmartStream D2.0
sản sinh công suất cực đại 186 mã lực tại 4.000 vòng/phút và đạt mo-men xoắn cực đại 416 Nm tại 2.000 - 2.750 vòng/phút



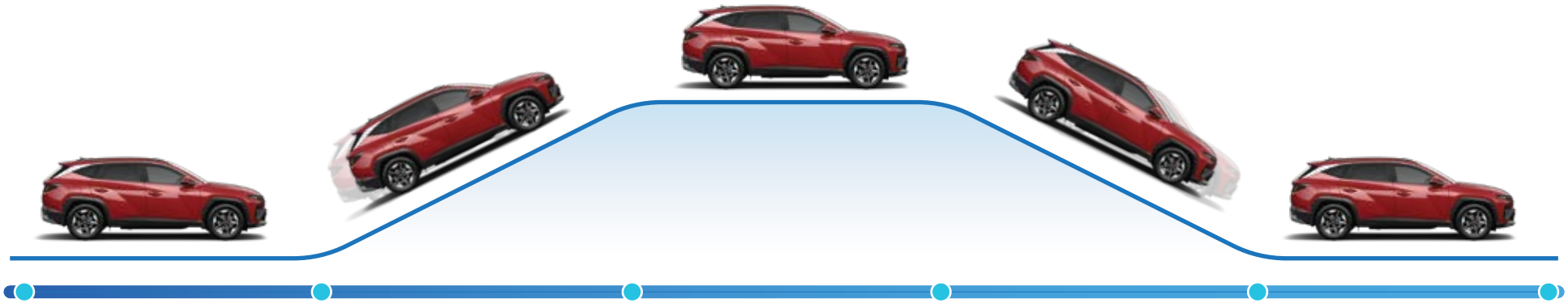
Động cơ xăng SmartStream 1.6 T-GDI
cùng với hệ dẫn động toàn thời gian HTRAC sản sinh công suất cực đại 180 mã lực tại 5.500 vòng/phút và đạt mo-men xoắn cực đại 265 Nm tại 1.500 - 4.500 vòng/phút



Động cơ Hybrid SmartStream 1.6 T-GDI
cùng động cơ điện 44,2 kW đạt công suất kết hợp cực đại 235 mã lực tại 5.500 vòng/phút và đạt mo-men xoắn kết hợp cực đại 367 Nm tại 1.500 - 4.100 vòng/phút

Lưu ý: HTRAC chỉ có trên các phiên bản Turbo và N Line

Động cơ Turbo Hybrid có **khả năng chuyển đổi linh hoạt và hoạt động song song giữa hai động cơ xăng và điện** giúp tối ưu công suất động cơ, vận hành êm dịu và tiết kiệm nhiên liệu



Xe ở tốc độ thấp	Tăng tốc / Leo dốc	Duy trì ở tốc độ trung - cao	Giảm tốc / Xuống dốc	Dừng xe
Động cơ Điện	**Động cơ Điện**	**Động cơ Điện**	**Động cơ Điện**	**Động cơ Điện**
Không tiêu hao nhiên liệu, không phát thải, vận hành êm dịu	Tối ưu mức công suất đầu ra cho khả năng tăng tốc nhanh & mạnh mẽ	Tối ưu hiệu suất vận hành của động cơ khi tốc độ cao	Thu hồi năng lượng, tiết kiệm nhiên liệu trong quá trình sạc pin	Động cơ xăng & động cơ điện tắt, Pin Hybrid cung cấp điện cho hệ thống





Đèn pha tự động thích ứng (AHB)



Camera 360



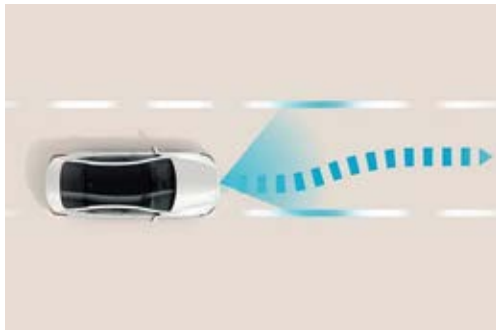
Hỗ trợ phòng tránh va chạm khi lùi đỗ xe (PCA-R)



Hỗ trợ phòng tránh va chạm cắt ngang (RCCA)



Theo dõi điểm mù trên màn hình thông tin (BVM)



Hỗ trợ giữ làn đường (LFA)

Hình ảnh minh họa, trang bị tùy phiên bản

TUCSON N Line

Khai mở giới hạn.





Cản trước thể thao



Cản sau kết hợp với ống xả kép



Ốp gương đen bóng



Cánh lướt gió khí động học



Vành 19 inch thiết kế mới



Ghế thể thao N Line



Nội thất khâu chỉ đỏ chấm phá

Thông số kỹ thuật	Xăng Tiêu Chuẩn	Xăng Đặc Biệt	Dầu Đặc Biệt	Turbo	N Line	Hybrid
Kích thước tổng thể (DxRxC) (mm)	4.640 x 1.865 x 1.700	4.640 x 1.865 x 1.700	4.640 x 1.865 x 1.700	4.640 x 1.865 x 1.700	4.650 x 1.865 x 1.700	4.640 x 1.865 x 1.700
Chiều dài cơ sở (mm)	2.755	2.755	2.755	2.755	2.755	2.755
Khoảng sáng gầm xe (mm)	181	181	181	181	181	181
Động cơ	SmartStream G2.0	SmartStream G2.0	SmartStream D2.0	SmartStream 1.6 T-GDI	SmartStream 1.6 T-GDI	SmartStream 1.6 T-GDi
Dung tích xi lanh (cc)	1.999	1.999	1.998	1.598	1.598	1.598
Công suất cực đại (PS/rpm)	156/ 6.200	156/ 6.200	186/4.000	180/5.500	180/5.500	Động cơ xăng: 180 / 5.500 Kết hợp: 235 / 5.500
Mô men xoắn cực đại (Nm/rpm)	192/4.500	192/4.500	416/2.000~2.750	265/1.500~4.500	265/1.500~4.500	Động cơ : 265 / 1.500-4.500 Mô tơ điện : 264 / 1.700 Kết hợp : 367 / 1.500~4.100
Dung tích bình nhiên liệu (Lít)	54	54	54	54	54	52
Dung lượng pin (kWh)	-	-	-	-	-	1,49
Hộp số	6 AT	6 AT	8 AT	7 DCT	7 DCT	6 AT
Hệ thống dẫn động	FWD	FWD	FWD	HTRAC	HTRAC	FWD
Phanh trước/sau	Đĩa/Đĩa	Đĩa/Đĩa	Đĩa/Đĩa	Đĩa/Đĩa	Đĩa/Đĩa	Đĩa/Đĩa
Hệ thống treo trước	MacPherson	MacPherson	MacPherson	MacPherson	MacPherson	MacPherson
Hệ thống treo sau	Liên kết đa điểm	Liên kết đa điểm	Liên kết đa điểm	Liên kết đa điểm	Liên kết đa điểm	Liên kết đa điểm
Thông số lốp	235/65R17	235/60R18	235/60R18	235/55R19	235/55R19	235/60R18
Ngoại thất						
Đèn chiếu sáng	LED	LED	LED	LED Projector	LED Projector	LED
Kích thước vành xe	17 inch	18 inch	18 inch	19 inch	19 inch	18 inch
Đèn LED định vị ban ngày	o	o	o	o	o	o
Đèn pha tự động	o	o	o	o	o	o
Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện, có sấy	o	o	o	o	o	o
Đèn hậu dạng LED	o	o	o	o	o	o
Cửa sổ trời toàn cảnh Panorama và giá nóc	-	-	-	o	-	-
Cốp điện thông minh	-	o	o	o	o	o
Nội thất và tiện nghi						
Vô lăng bọc da	o	o	o	o	o	o
Cần số điện tử dạng cần xoay	-	-	o	o	o	o
Lẫy chuyển số sau vô lăng	-	-	o	o	o	o
Ghế da cao cấp	o	o	o	o	o	o
Ghế lái chỉnh điện	o	o	o	o	o	o
Nhớ ghế lái	-	-	-	o	o	o
Ghế phụ chỉnh điện	-	o	o	o	o	o
Sưởi & Làm mát hàng ghế trước	-	o	o	o	o	o
Sưởi vô lăng	-	o	o	o	o	o
Điều hòa tự động 2 vùng độc lập	o	o	o	o	o	o
Cửa gió điều hòa hàng ghế sau	o	o	o	o	o	o
Màn hình đa thông tin	Kỹ thuật số 4,2 inch	Kỹ thuật số 12,3 inch	Kỹ thuật số 12,3 inch	Kỹ thuật số 12,3 inch	Kỹ thuật số 12,3 inch	Kỹ thuật số 12,3 inch
Màn hình giải trí cảm ứng	12,3 inch	12,3 inch	12,3 inch	12,3 inch	12,3 inch	12,3 inch
Hệ thống loa	6 loa	8 loa BOSE cao cấp	8 loa BOSE cao cấp	8 loa BOSE cao cấp	8 loa BOSE cao cấp	8 loa BOSE cao cấp
Sạc không dây chuẩn Qi	-	o	o	o	o	o
Gương chống chói tự động (ECM)	-	o	o	o	o	o
Phanh tay điện tử EPB và Auto hold	o	o	o	o	o	o
Điều khiển hành trình	o	-	-	-	-	-
Giới hạn tốc độ (MSLA)	o	o	o	o	o	o
Điều khiển hành trình thích ứng (SCC)	-	o	o	o	o	o
Smart key có chức năng khởi động từ xa	o	o	o	o	o	o

Thông số kỹ thuật	Xăng Tiêu chuẩn	Xăng Đặc Biệt	Dầu Đặc Biệt	Turbo	N Line	Hybrid
An toàn						
Camera lùi	o	-	-	-	-	-
Camera 360°	-	o	o	o	o	o
Hệ thống cảm biến trước/sau	o	-	-	-	-	-
Hệ thống cảm biến trước/sau/bên	-	o	o	o	o	o
Chống bó cứng phanh (ABS)	o	o	o	o	o	o
Phân bổ lực phanh điện tử (EBD)	o	o	o	o	o	o
Hỗ trợ lực phanh khẩn cấp (BA)	o	o	o	o	o	o
Cân bằng điện tử (ESC)	o	o	o	o	o	o
Hệ thống kiểm soát lực kéo (TCS)	o	o	o	o	o	o
Hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC)	o	o	o	o	o	o
Hỗ trợ đổ đèo ngang dốc (DBC)	o	o	o	o	o	o
Cảm biến áp suất lốp (TPMS)	o	o	o	o	o	o
Hệ thống hỗ trợ phòng tránh va chạm phía trước (FCA)	-	o	o	o	o	o
Hệ thống hỗ trợ phòng tránh va chạm điểm mù (BCA)	-	o	o	o	o	o
Hệ thống hỗ trợ phòng tránh va chạm khi lùi (RCCA)	-	o	o	o	o	o
Hệ thống hỗ trợ phòng tránh va chạm khi đỗ xe (PCA)	-	o	o	o	o	o
Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKA)	-	o	o	o	o	o
Hệ thống hỗ trợ duy trì làn đường (LFA)	-	o	o	o	o	o
Hệ thống cảnh báo phương tiện phía trước di chuyển (LVDA)	-	o	o	o	o	o
Hệ thống hỗ trợ hiển thị điểm mù trên màn hình (BVM)	-	o	o	o	o	o
Số túi khí	6	6	6	6	6	6

BẢNG TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

	Trong đô thị (L/100km)	Ngoài đô thị (L/100km)	Hỗn hợp (L/100km)
Xăng Tiêu chuẩn	**9,96**	**6,3**	**7,64**
Xăng Đặc Biệt	**10,94**	**6,12**	**7,9**
Dầu Đặc Biệt	**7,9**	**5,12**	**6,16**
Turbo	**9,39**	**6,41**	**7,5**
N Line	**8,6**	**6,2**	**7,1**
Hybrid	**4,5**	**4,7**	**4,6**

LƯU Ý:

Các giá trị là kết quả kiểm tra nội bộ và có thể thay đổi sau kiểm nghiệm. Xe thực tế có thể khác hình ảnh. Hyundai Thành Công có quyền thay đổi thông số và trang bị mà không báo trước. Màu in có thể sai khác so với màu thực tế. Vui lòng liên hệ đại lý để biết thêm chi tiết.

Hình ảnh, màu sắc và trang bị trong catalogue có thể khác với sản phẩm thực tế tùy phiên bản.

Thông số và trang bị có thể thay đổi. Vui lòng liên hệ đại lý Hyundai để được tư vấn thông tin sản phẩm và chính sách áp dụng.

BẢNG MÀU NGOẠI THẤT


Trắng


Bạc


Vàng Cát


Đen


Đỏ Đô


Xanh Dương


Xanh Lục Bảo

KÍCH THƯỚC TUCSON

Đơn vị: mm





HYUNDAI

Tìm hiểu thêm về

TUCSON

Hyundai Thành Công Việt Nam
www.hyundai.thanhcong.vn

Vì lợi ích của bạn
hãy cài dây an toàn khi lái xe

5 NĂM Số km bảo hành 100,000 km

8 NĂM Số km bảo hành pin 160,000km